

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 546/37

Giờ: Ngày 16 tháng 10 năm 13

Kho Ngân
Me Linh

Công ty cổ phần thép Việt Ý
MST: 0900222647

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III & lũy kế từ đầu năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			Quý III	Lũy kế từ đầu năm	Quý III	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	18	676,665,275,027	2,451,182,013,179	774,555,188,880	2,812,312,587,732
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	3	18	16,271,379,792	44,824,706,372	7,511,758,700	23,319,979,550
+ Chiết khấu thương mại	4		16,029,644,292	44,103,815,372	7,039,243,960	21,836,431,810
+ Giảm giá hàng bán	5					11,457,000
+ Hàng bán bị trả lại	6		241,735,500	720,891,000	472,514,740	1,472,090,740
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	7					
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		660,393,895,235	2,406,357,306,807	767,043,430,180	2,788,992,608,182
4. Giá vốn hàng bán	11	19	634,404,872,012	2,228,335,770,340	705,024,395,276	2,581,819,965,708
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25,989,023,223	178,021,536,467	62,019,034,904	207,172,642,474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	144,561,843	2,913,741,846	394,772,571	3,772,157,901
7. Chi phí tài chính	22	22	43,213,443,044	127,506,999,787	58,856,098,930	144,859,397,618
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43,161,428,865	126,899,265,236	56,332,019,060	90,314,842,722
8. Chi phí bán hàng	24		9,973,280,818	28,884,133,622	8,472,914,602	29,579,655,722
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,174,721,071	41,889,798,509	11,789,223,753	25,139,821,976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-39,227,859,867	-17,345,653,605	-16,704,429,810	11,365,925,059
11. Thu nhập khác	31		1,361,192,935	8,117,558,895	1,904,706,916	1,986,108,711
12. Chi phí khác	32		92,612,728	1,049,656,847	74,474,818	324,839,990
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,268,580,207	7,067,902,048	1,830,232,098	1,661,268,721
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		-37,959,279,660	-10,277,751,557	-14,874,197,712	13,027,193,780
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-1,894,665,826		-3,928,044,749	3,327,508,424
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		23		42,461,955		42,461,955
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		-36,064,613,834	-10,320,213,512	-10,946,152,963	9,657,223,401
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần)	70	24	-733	-210	-222	250

LẬP BIỂU

Duy

Đặng Thị Tuyết Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Ngân

Nguyễn Hoàng Ngân

Hung Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2013
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1,787,203,321,100	1,686,809,547,738
I. Tiền	110		89,175,702,557	457,723,935,305
1. Tiền	111	5	89,175,702,557	62,223,934,659
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	395,500,000,646
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	38,896,559,856
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128		0	38,896,559,856
III. Các khoản phải thu	130		268,458,217,720	437,689,705,738
1. Phải thu của khách hàng	131	6	221,402,208,514	405,261,130,005
2. Trả trước cho người bán	132		29,556,877,905	26,881,467,971
3. Các khoản phải thu khác	138	7	44,541,034,738	31,716,622,988
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(27,041,903,437)	(26,169,515,226)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1,345,278,412,838	732,309,619,912
1. Hàng tồn kho	141		1,345,278,412,838	734,479,635,706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			(2,170,015,794)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		84,290,987,985	20,189,726,927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,457,862,231	5,480,837,050
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75,338,898,360	2,044,622,675
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		3,772,397,395	9,133,284,742
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3,721,829,999	3,530,982,460
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1,019,465,272,050	1,126,816,369,880
I. Tài sản cố định	220		851,821,903,849	948,008,606,298
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	804,089,506,305	898,708,709,226
- Nguyên giá	222		1,383,762,732,207	1,386,360,283,144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(579,673,225,902)	(487,651,573,918)
2. Tài sản cố định vô hình	221	11	25,853,500,601	26,427,832,694
- Nguyên giá	222		28,019,135,751	28,019,135,751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,165,635,150)	(1,591,303,057)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	21,878,896,943	22,872,064,378
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		270,000,000	270,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		0	0
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	1,000,000,000	1,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(730,000,000)	(730,000,000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		167,373,368,201	178,537,763,582
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	167,330,906,248	178,452,839,674
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42,461,953	84,923,908
Tổng cộng tài sản	270		2,806,668,593,150	2,813,625,917,618



Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		2,158,947,327,572	2,155,584,438,528
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>1,840,431,681,263</i>	<i>1,837,068,792,219</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1,700,156,243,566	1,677,563,900,314
2. Phải trả cho người bán	312		95,134,480,994	85,552,731,017
3. Người mua trả tiền trước	313		1,008,489,490	1,355,295,004
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3,826,006,505	10,906,117,763
5. Phải trả người lao động	315		8,844,176,589	10,913,063,359
6. Chi phí phải trả	316		19,712,250,763	31,356,356,741
7. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		6,999,655,686	6,278,195,636
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4,750,377,670	13,143,132,385
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>318,515,646,309</i>	<i>318,515,646,309</i>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	318,515,646,309	318,515,646,309
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		647,721,265,578	658,041,479,090
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>18</i>	<i>647,721,265,578</i>	<i>658,041,479,090</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		492,202,620,000	492,202,620,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		363,790,000	363,790,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8,835,568,717	8,835,568,717
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		145,945,713,472	145,945,713,472
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		27,269,699,265	27,269,699,265
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26,896,125,876)	(16,575,912,364)
Tổng cộng nguồn vốn	440		2,806,668,593,150	2,813,625,917,618

KẾ TOÁN TRƯỞNG 
 Nguyễn Hoàng Ngân

Hưng Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
 Trần Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
9 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2013	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2012
1	2	3	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10,277,751,557)	13,027,193,780
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	93,974,273,346	32,818,704,340
- Các khoản dự phòng	03	(1,297,627,583)	49,860,722,381
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(3,767,403,201)	(3,772,157,901)
- Chi phí lãi vay	06	126,899,265,236	90,314,842,722
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	205,530,756,241	182,249,305,322
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	94,873,976,583	(22,092,096,494)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(610,935,910,132)	(315,764,935,174)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(11,602,307,817)	(152,384,090,259)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	15,281,854,364	(11,600,309,104)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(126,133,656,912)	(81,756,378,485)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(1,894,665,826)	(7,003,269,967)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7,258,703,173	1,956,604,784
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8,014,127,811)	(22,086,060,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(435,635,378,137)	(428,481,229,777)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,281,099,565)	(2,451,911,322)



2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3,965,600,000	44,700,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18,409,086,482)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	38,896,559,856	422,208,790
7. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,913,741,846	3,772,157,901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44,494,802,137	(16,621,931,113)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3,006,528,942,054	2,612,459,071,415
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,983,936,598,802)	(2,545,706,806,059)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29,993,150,000)
6. Tiền tăng do nhân sáp nhập Công ty CP Luyện thép Sông Đà			43,119,290,435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22,592,343,252	79,878,405,789
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(368,548,232,748)	(365,224,755,101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	457,723,935,305	400,129,908,591
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	89,175,702,557	34,905,153,490

Hung Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2013

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) thành Công ty Cổ phần.

Ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 12 (đăng ký Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Hải Phòng, tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà) với số vốn điều lệ là 492.202.620.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Hải Phòng.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 là 978 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.024 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sản xuất sắt, thép gang;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường sắt;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ $\phi 6$ - $\phi 8$ và thép thanh từ D10 đến D40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty liên kết được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty liên kết. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty liên kết.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 (Số năm)	Năm 2011 (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30	10
Máy móc, thiết bị	5 - 11	10
Thiết bị văn phòng	4 - 5	4
Phương tiện vận tải	6 - 8	8
Cây lâu năm	20	

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần thép Việt Ý thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng thể hiện giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng nhà máy được ghi nhận như quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại theo hợp đồng thuê đất là 29 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

- Khoản trả trước tiền thuê văn phòng, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà tại ngày sáp nhập. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian là 10 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.285.176.368	1.923.661.362
Tiền gửi ngân hàng	85.890.526.189	60.300.273.297
Các khoản tương đương tiền (*)		395.500.000.646
Cộng	<u>89.175.702.557</u>	<u>457.723.935.305</u>

(*): Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	62.663.064.405	63.092.925.606
Phải thu các đối tượng khác	158.739.144.109	342.168.204.399
Trong đó		
<i>Cty CP thương mại Thái Hưng</i>	<i>81.157.608.411</i>	<i>231.525.720.404</i>
<i>Cty CP Nhật Nam</i>	<i>289.884.508</i>	<i>2.883.369.686</i>
<i>Cty CP thép Đất Việt</i>	<i>36.394.011.611</i>	<i>36.183.124.722</i>
<i>Cty CP thép & VT Xây Dựng</i>	<i>124.576.273</i>	<i>18.041.781.548</i>
<i>Cty CP đầu tư & thương mại 319</i>	<i>124.724.040</i>	<i>11.952.805.240</i>
<i>Cty CP thương mại Hiệp Hương</i>	<i>3.361.389.291</i>	<i>4.705.738.815</i>
<i>Các công ty khác</i>	<i>37.286.949.975</i>	<i>36.876.663.984</i>
Cộng	<u>221.402.208.514</u>	<u>405.261.130.005</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu tiền thép phế giao thiếu (i)	38.122.806.357	24.954.625.758
Phải thu tiền cước Container	2.422.132.477	2.508.166.525
Khác	3.996.095.904	4.253.830.705
Cộng	<u>44.541.034.738</u>	<u>31.716.622.988</u>

(i) Phản ánh giá trị thép phế giao thiếu so với hóa đơn của các nhà cung cấp nước ngoài phát sinh tại Chi nhánh của tại Hải Phòng (đã thanh toán) đến 30 tháng 09 năm 2013. Ban giám đốc tin tưởng rằng toàn bộ số phải thu này sẽ được hoàn trả bằng tiền và hàng trong tương lai.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	88.108.021.385	120.830.215.927
Nguyên liệu, vật liệu	1.077.147.451.909	385.126.820.085
Công cụ, dụng cụ	4.804.623.537	4.816.580.333
Thành phẩm	175.185.908.248	222.045.304.507
Chi phí kinh doanh dở dang	32.407.759	1.660.714.854
Cộng	<u>1.345.278.412.838</u>	<u>734,479,635,706</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.170.015.794)
Cộng	<u>1.345.278.412.838</u>	<u>732.309.619.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	3.712.592.733	3.445.071.248
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	9.237.266	85.911.212
Cộng	<u>3.721.829.999</u>	<u>3.530.982.460</u>

(i) Khoản tiền 9.237.266, đồng là khoản tiền Công ty ký quỹ để mua ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2013	514.011.575.467	799.741.258.985	1.631.972.069	70.047.266.465		1.386.360.283.144
Mua trong năm			11.400.000			11.400.000
Đầu tư xây dựng		(419.047.619)				(1.953.701.189)
Giảm do thanh lý nhượng bán		(204.292.975)	(450.956.773)	(1.534.653.570)		(655.249.748)
Giảm khác						
Tại ngày 30/09/2013	514.011.575.467	799.117.918.391	1.192.415.296	68.512.612.895	928.210.158	1.383.762.732.207
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
Tại ngày 1/1/2013	107.253.430.579	354.835.334.049	932.948.993	24.552.621.006	77.239.291	487.651.573.918
Trích khấu hao	27.201.061.673	60.185.619.296	216.556.582	6.143.672.728	34.807.878	93.781.718.157
Giảm do thanh lý nhượng bán		(419.047.619)		(822.714.925)		(1.241.762.544)
Giảm khác		(184.290.735)	(334.012.894)			(518.303.629)
Tại ngày 30/09/2013	134.454.492.252	414.417.614.991	815.492.681	29.873.578.809	112.047.169	579.673.225.902
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/09/2013	379.557.083.215	384.700.303.400	376.922.615	38.639.034.086	816.162.989	804.089.506.305
Tại ngày 31/12/2012	399.573.430.299	456.221.439.542	699.023.076	41.363.845.442	850.970.867	898.708.709.226

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 56.967.567.882, đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 18.626.943.506 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, đầy chuyên cán thép và trạm sinh khí than của Công ty đã thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng với giá trị còn lại là 11.783.634.389 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 25.996.046.396 đồng).

Như trình bày tại thuyết minh số 17 tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 giá trị còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng là 686.613.492.926 đồng (31 tháng 12 năm 2012 là 809.322.887.304 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH****Quyền sử dụng đất
VND****NGUYỄN GIÁ**

Tại ngày 1/1/2013

28.019.135.751

Giảm trong kỳ

Tại ngày 30/09/2013**28.019.135.751****GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 1/1/2013

1.591.303.057

Trích khấu hao

574.332.093

Tại ngày 30/09/2013**2.165.635.150****GIÁ TRỊ CÒN LẠI****Tại ngày 30/09/2013****25.853.500.601****Tại ngày 31/12/2012****26.427.832.694**

Quyền sử dụng đất thể hiện tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phố Nối A trong thời gian 43 năm. Khu đất được sử dụng cho mục đích đi dời xưởng luyện cán thép và dây chuyền sản xuất 2.

Quyền sử dụng đất của Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng thể hiện giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng nhà máy tại Hải Phòng được ghi nhận như quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại theo hợp đồng thuê đất là 29 năm.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 1/1/2013
đến 30/09/2013

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 1/1/2012
đến 31/12/2012

VND**VND**

- Công trình tuyến đường vào nhà máy (CN Hải Phòng)

12.455.290.901

14.855.290.901

- Công trình khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại xã Thiên Hương (CN Hải Phòng)

9.259.918.427

8.016.773.477

- Sửa chữa lớn TSCĐ

163.687.615

21.878.896.943**22.872.064.378****13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí với số lượng 100.000 cổ phiếu, giá mua bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 30/09/2013, Công ty đã trích dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn với số tiền 730.000.000 VND cho khoản đầu tư này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**30/09/2013****31/12/2012****VND****VND**

Chi phí thuê văn phòng tại Toà nhà HH4 Mỹ Đình

36.694.463.750

37.287.372.500

Lợi thế thương mại (i)

123.918.820.949

134.642.055.314

Dung cụ khác

6.717.621.549

6.523.411.860

167.330.906.248**178.452.839.674**

(i)Lợi thế thương mại phát sinh do nhận sáp nhập Công ty CP luyện thép Sông Đà vào Công ty. Khoản lợi thế thương mại phát sinh được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
NH Đầu tư và PT Việt Nam – CN Bắc Hưng Yên	289.932.096.257	190.461.746.786
NH Đầu tư và PT Việt Nam – CN Hưng Yên	189.146.928.285	133.709.828.954
NH Ngoại thương Hải Dương – CN Hải Dương	719.349.191.676	832.667.187.507
NH Công thương Hưng Yên – CN Hưng Yên	491.973.967.129	371.950.036.266
NH Nông Nghiệp Hưng Yên – CN Hưng Yên	9.754.060.219	
Ngân hàng HSBC CN Hà Nội		32.087.687.629
Nợ dài hạn đến hạn trả		116.687.413.172
	1.700.0156.243.566	1.677.563.900.314

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các ngân hàng.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương & Ngân hàng Nông Nghiệp Hưng Yên – CN Hưng Yên được thực hiện theo hình thức tín chấp.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên đảm bảo bằng giá trị dây chuyền cán và trạm sinh khí than. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 300054100-03/HĐTC/Vietinbank-VIS ký ngày 27/9/2012 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên và Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý, nguyên giá tài sản thế chấp là 224.909.995.046 VND, giá trị còn lại tại 30/09/2013 là 11.783.634.389 VND.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên được đảm bảo bằng sổ đỏ mảnh đất trụ sở Công ty đang thuê với thời hạn 34 năm, toàn bộ tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu mà Công ty là đơn vị thụ hưởng.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hưng Yên được đảm bảo bằng hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh. Theo biên bản định giá tài sản ký ngày 12/04/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hưng Yên và Công ty Cổ phần Thép Việt Ý, giá trị hàng hóa luân chuyển bình quân làm giá trị tài sản thế chấp là 100 tỷ

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.324.927.350	10.438.270.390
Thuế xuất, nhập khẩu	142.902.436	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập cá nhân	347.016.380	456.687.034
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
Các loại thuế khác	9.363.539	9.363.539
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.796.800	1.796.800
Cộng	3.826.006.505	10.906.117.763

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/09/2013	31/12/2012
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
CN Hải Dương	318.515.646.309	318.515.646.309
Cộng	318.515.646.309	318.515.646.309

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, nay là Chi nhánh của Công ty tại Hải Phòng. Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007 để đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy Sản xuất Phôi thép ở Hải Phòng. Bên vay thế chấp toàn bộ Nhà máy Sản xuất Phôi thép của Dự án, bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị, xe cộ, các công trình xây dựng và các bất động sản, động sản khác nằm trên hay liên quan đến Nhà máy Sản xuất Phôi thép của Dự án (hiện có hoặc sẽ hình thành trong tương lai), bao gồm cả quyền được nhận tiền bảo hiểm từ tài sản này. Theo biên bản sửa đổi lần 1 của Hợp đồng thế chấp số 03/VIS ngày 20/02/2009, giá trị tài sản thế chấp là 686.613.492.926 VND.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	58.343.706.586	116.687.413.172
Trong năm thứ hai	116.082.752.122	116.082.752.122
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	202.432.894.187	202.432.894.187
Sau năm năm		
Cộng	376.859.352.895	435.203.059.481
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	58.343.706.586	116.687.413.172
Số phải trả sau 12 tháng	318.515.646.309	318.515.646.309

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại 31/12/2011	300.000.000.000	363.790.000	130.092.933.471	25.909.026.633	58.413.452.633
Trích lập các quỹ năm 2011			15.852.780.001	1.360.672.632	(57.213.452.633)
Lợi nhuận tăng trong kỳ					(17.775.912.364)
Phát hành tăng vốn	192.202.620.000				
Tại 31/12/2012	492.206.620.000	363.790.000	145.945.713.472	27.269.699.265	(16.575.912.364)
Phân phối lợi nhuận 2012					
Lợi nhuận trong kỳ					(10.320.213.512)
Tại 30/09/2013	492.206.620.000	363.790.000	145.945.713.472	27.269.699.265	(26.896.125.876)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 15/GCN-UBCK ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận cho Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS) được đăng ký chào bán ra công chúng 19.220.577 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của các cổ đông khác ngoài VIS của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá là 192.205.770.000 VND. Ngày kết thúc chào bán cổ phiếu theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

công chúng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý là ngày 31 tháng 5 năm 2012. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán và hoán đổi thành công là 192.202.620.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 5 năm 2012 và lần thứ 12 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, mã số doanh nghiệp 0203004401 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008), vốn điều lệ của Công ty là 492.202.620.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

b. Trích lập các quỹ và chia cổ tức

Do năm 2012 Công ty lỗ nên ngày 29 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã có Nghị quyết thông qua không trả cổ tức năm 2012.

c. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/9/2016</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	49.220.262	49.220.262
<i>Cổ phần thường</i>	49.220.262	49.220.262
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Công ty 30/09/2013 VND	CN Hải Phòng 30/09/2013 VND	Loại trừ 30/09/2013 VND	Tổng cộng 30/09/2013 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.834.029.131.428	1.709.670.863.303	(1.737.031.401.581)	2.806.668.593.150
Tổng tài sản				2.806.668.593.150
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	2.080.825.161.775	1.815.153.567.378	(1.737.031.401.581)	2.158.947.327.572
Tổng nợ phải trả				2.158.947.327.572
Doanh thu				
Doanh thu thuần	4.402.863.009.052	2.070.689.802.551	(4.064.353.582.296)	2.409.199.229.307
Giá vốn	(4.302.803.840.052)	(2.003.543.056.004)	4.075.169.203.216	(2.231.177.692.840)
Kết quả HDKD				
Kết quả HDKD bộ phận	100.059.169.000	67.146.746.547	10.815.620.920	178.021.536.467
Doanh thu hoạt động tài chính	2.807.913.251	105.828.595		2.913.741.846
Chi phí tài chính	(29.060.656.093)	(98.446.343.694)		(127.506.999.787)
Chi phí không phân bổ	(61.763.796.084)	(9.010.136.047)		(70.773.932.131)
Lợi nhuận khác	3.087.970.928	3.979.931.120		7.067.902.048
Lãi trước thuế	15.130.601.002	(36.223.973.479)	10.815.620.920	(10.277.751.557)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	42.461.955			42.461.955
Lãi (lỗ) sau thuế	13.193.473.221	(34.329.307.653)	10.815.620.920	(10.320.213.512)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU**

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	2.454.023.935.679	3.918.058.580.101
Doanh thu hoạt động gia công		7.119.035.520
Cộng	2.454.023.935.679	3.925.177.615.621
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	44.824.706.372	49.157.868.454
Giảm giá hàng bán		11.457.000
Hàng bán bị trả lại	720.891.000	2.448.815.740
Cộng	2.409.199.229.307	51.618.141.194

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.231.177.692.840	3.614.842.048.472
Giá vốn của hoạt động gia công		5.881.414.683
Cộng	2.231.177.692.840	3.620.723.463.155

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.067.926.673.566	3.342.551.784.890
Chi phí nhân công	59.781.888.376	60.814.039.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.974.273.346	73.120.091.368
Chi phí dự phòng		2.170.015.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.419.693.080	167.774.155.515
Chi phí khác	32.539.062.294	29.499.643.215
Cộng	2.472.641.590.662	3.675.929.729.912

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.799.579.099	5.920.437.744
Lãi quá hạn công nợ phải thu		578.895.646
Lãi chênh lệch tỷ giá	114.162.747	10.111.796
Cổ tức được chia		
Cộng	<u>2.913.741.846</u>	<u>6.509.445.186</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	126.899.265.236	146.036.704.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.638.936	1.990.526.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	480.972.055	622.437.544
Chi phí dự phòng		49.860.722.381
Chi phí tài chính khác	66.123.560	495.356.243
Cộng	<u>127.506.999.787</u>	<u>199.005.280.386</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	(10.277.751.557)	(17.690.988.454)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	210.147.400	7.853.049.007
Thu nhập chịu thuế		<u>(9.837.939.447)</u>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập hoãn lại	42.461.955	84.923.910

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.320.213.512)	(17.775.912.364)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	49.220.262	41.268.866
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	(210)	(431)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 28 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan và khả năng trả nợ của đối tác.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	592.908.750	1.201.402.519

Chi phí thuê hoạt động thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tại tầng 8 và tầng 9 Tòa nhà HH4 Mỹ Đình theo Hợp đồng số 28/2010/HĐTN/TCT-VIS ngày 18 tháng 01 năm 2010 giữa Tập đoàn Sông Đà và Công ty. Thời gian thuê là 50 năm trừ đi thời gian xây dựng Tòa nhà. Tổng giá tiền thuê là 38.886.400.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2013, Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Tổng công ty Sông Đà.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.175.702.557	457.723.935.305
Phải thu khách hàng và phải thu khác	238.901.339.815	410.808.237.767
Đầu tư ngắn hạn		38.896.559.856
Đầu tư dài hạn	270.000.000	270.000.000
Tài sản tài chính khác	3.721.829.999	85.911.212
Tổng cộng	332.068.872.371	907.784.644.140

Công nợ tài chính

Các khoản vay	2.018.671.889.875	1.996.079.546.623
Phải trả người bán và phải trả khác	102.134.136.680	91.830.926.656
Chi phí phải trả	19.712.250.763	31.356.356.741
Tổng cộng	2.140.518.277.318	2.119.266.830.017

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/9/2013	31/12/2012	30/9/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	53.315.432.789	18.157.725.953	28.421.160	24.215.245
Euro (EUR)			11.496.520	11.469.160

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Số gốc vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được phản ánh qua bảng sau:

	30/09/2013	31/12/2012
	VND	VND
Gốc vay theo lãi suất thả nổi	2.018.671.889.875	1.996.079.546.623
Gốc vay theo lãi suất cố định	-	-
	2.018.671.889.875	1.996.079.546.623

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt quý, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2013 sẽ tăng/giảm khoảng 40,3 tỷ đồng (2012: tăng/giảm khoảng 39,9 tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc 30/09/2013		
VND	200	(40.373.437.798)
VND	-200	40.373.437.798
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2012		
VND	200	(39.921.590.932)
VND	-200	39.921.590.932

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Hiện tại, Công ty không có biện pháp phòng ngừa rủi ro, phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/09/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.175.702.557		89.175.702.557
Phải thu khách hàng và phải thu khác	238.901.339.815		238.901.339.815
Đầu tư ngắn hạn			
Đầu tư dài hạn		270.000.000	270.000.000
Tài sản tài chính khác	3.721.829.999		3.721.829.999
Tổng cộng	331.798.872.371	270.000.000	332.068.872.371

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)**

30/09/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	102.134.136.680	-	99.545.655.747
Chi phí phải trả	19.712.250.763	-	20.932.805.598
Các khoản vay	1.700.156.243.566	318.515.646.309	2.018.671.889.875
Tổng cộng	1.822.002.631.009	318.515.646.309	2.056.031.186.562
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.490.203.758.638)	(318.245.646.309)	(1.808.449.404.947)

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và cá khoản tương đương tiền	457.723.935.305		457.723.935.305
Phải thu khách hàng và phải thu khác	410.808.237.767		410.808.237.767
Đầu tư ngắn hạn	38.896.559.856		38.896.559.856
Đầu tư dài hạn		270.000.000	270.000.000
Tài sản tài chính khác	85.911.212		85.911.212
Tổng cộng	907.514.644.140	270.000.000	907.784.644.140

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	91.830.926.653	-	56.075.577.724
Chi phí phải trả	31.356.356.741	-	7.463.262.346
Các khoản vay	1.677.563.900.314	318.515.646.309	704.196.738.260
Tổng cộng	1.800.751.183.708	318.515.646.309	2.119.266.830.017
Chênh lệch thanh khoản thuần	(893.236.539.568)	(318.245.646.309)	(1.211.482.185.877)

Tại ngày 30/09/2013, công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính với số tiền là 1.808.449.404.947, VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể huy động các khoản vay từ các hợp đồng hạn mức tín dụng ký kết với ngân hàng và bán hàng hóa tồn kho để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*Từ 01/01/2013
đến 30/09/2013

Năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu		
Công ty Sông Đà 5	35.911.928.950	105.228.292.810
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	28.456.480.000	
Công ty Sông Đà 7	24.608.769.050	54.628.308.820
Cty CP Sông Đà 12		2.318.868.000
Cty CP Sông Đà 505		827.698.600
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	420.381.200	
Cty CP Sông Đà 604	1.059.562.400	16.939.270.970
XN Sông Đà 6.01	11.167.922.800	4.190.029.460
XN Sông Đà 6.05		5.254.985.950
CN Cty Sông Đà 908 – Cty CP Sông Đà 9	3.730.812.700	5.801.632.670
CN Cty CP Sông Đà 409	1.755.534.900	4.035.560.010
CN Cty CP Sông Đà 406		1.422.667.500
Cty CP Sông Đà 3		1.719.696.500
XN Sông Đà 10.3 – Cty CP Sông Đà 10	12.925.010.500	
Cty CP ĐT&TM Sông Đà	2.147.298.800	17.622.137.500
XN Sông Đà 602	13.867.065.000	3.464.947.570
Cty CP Sông Đà 1	2.928.300.000	4.761.333.200
CN Cty CP Sông Đà 905	1.475.787.750	2.407.884.150
CN Cty Sông Đà 11.9 – Cty CP Sông Đà 11	527.154.300	927.515.716
CN Tây Nguyên – Cty CP Sông Đà 10.1		792.954.550
Các bên liên quan khác	1.008.530.950	505.580.500
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Cty CP XL&dịch vụ Sông Đà	462.552.053	786.182.820
Tập đoàn Sông Đà		14.099.905.000
Các bên liên quan khác		659.536

Chính sách giá với các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát, có thể so sánh được.

Các khoản phải thu	30/09/2013	31/12/2012
Công ty Sông Đà 7	21.610.275.392	8.997.794.666
Công ty Sông Đà 5	14.710.488.904	21.413.164.358
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	1.165.518.640	3.029.406.607
Xí nghiệp Sông Đà 6.03 - Cty CP Sông Đà 6	2.990.203.624	5.498.184.624
CN Cty Sông Đà 9.08	3.103.893.970	
Cty CP ĐT&TM dầu khí Sông Đà		858.051.940
Công ty cổ phần Sông Đà 8		657.696.597
Công ty cổ phần Sông Đà 505	319.372.428	319.372.428
CN Sông Đà 905 - Cty CP Sông Đà 9	111.025.860	
Xí nghiệp Sông Đà 601		1.898.489.450
Cty CP ĐT& Thương mại Sông Đà	703.054.880	
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Cty CP Sông Đà 6	402.078.320	902.078.320
Xí nghiệp Sông Đà 10.3	5.754.549.529	188.722.933
Công ty CP Sông Đà 12		2.100.754.800

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Xí nghiệp Sông Đà 10.6	6.882.179.535	84.743.890
Xí nghiệp Sông Đà 10.7	2.819.057.835	6.819.057.835
CN Cty CP Sông Đà 406		1.564.934.250
Cty CP Sông Đà 3		1.343.202.300
CN Cty CP Sông Đà 409	829.803.369	1.398.714.979
XN Sông Đà 602	536.568.320	2.859.007.360
Cty CP Sông Đà 1	52.648.100	1.520.818.200
Cty CP Sông Đà 4		505.580.500
CN Tây Nguyên - Cty CP Sông Đà 10.1		792.954.550
Các bên liên quan khác	672.345.699	309.836.699
Các khoản phải trả		
BĐH Thủy điện XEKAMAN 3	260.423.152	260.423.152
Các bên liên quan khác	34.107.381	82.400.688

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Năm 2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.269.525.578	2.065.554.334

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012.

32. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD QUÝ III/2013.

Trong quý III/2013 lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ 36.064.613.834 đồng. Kết quả này ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân chủ yếu sau:


+ Từ đầu năm 2013 đến nay giá thép xây dựng luôn nằm trong chiều hướng sụt giảm. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, hiện sức mua thép rất yếu, chỉ trên dưới 300.000 tấn/tháng so với bình thường trước đây luôn ở mức trên 400.000 tấn/tháng. Tính đến thời điểm cuối tháng 9/2013, lượng thép xây dựng tồn vẫn còn 316.000 tấn, giảm 4.000 tấn so với tháng trước và tăng 12.000 tấn so với cùng kỳ năm 2012. Để tiêu thụ sản phẩm cũng như các doanh nghiệp thép khác, Công ty cổ phần Thép Việt-Ý liên tục phải điều chỉnh giá bán. Mặc dù vậy sản lượng tiêu thụ cũng như doanh thu của Công ty đều sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Để cạnh tranh với các thương hiệu thép khác trên thị trường, công ty đã áp dụng linh hoạt nhiều chính sách bán hàng nhằm tăng sản lượng tiêu thụ. Nhưng do sản lượng tiêu thụ giảm, lượng tồn kho tăng cao công ty đã phải chủ động dừng sản xuất. Thời gian dừng sản xuất là 46 ngày. Trong khi các khoản chi phí lãi vay và khấu hao của công ty rất lớn. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý III/2013 lỗ 36 tỷ đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đặng Thị Tuyết Dung





TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thanh